

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị X và anh B”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Ông Phạm Công Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim X, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Sơn B, sinh năm: 1984.

ĐKTT: XX phường P, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị X và anh B vắng mặt (có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020, bản khai ngày 14/5/2020, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 09/6/2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim X trình bày:

Chị và anh Trần Sơn B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình chung sống, chị và anh B xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh thường xuyên uống rượu. Mặc dù chị và gia đình đã có động viên, khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi nên chị và anh B đã ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Hiện tại, chị vẫn ở nhà nuôi con, anh B đi làm và ở lại công ty, không về thăm vợ con. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh B.

Trong thời gian chung sống, chị và anh B có 01 con chung tên Trần Nguyễn Sơn Hải, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2014, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Chị và anh B không có sản chung, không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/5/2020, anh Trần Sơn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim X sống chung vào năm 2014, có tổ chức cưới hỏi, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, thỉnh thoảng anh và chị X cũng có xảy ra cự cãi do không thống nhất quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Trong một lần gây gổ, anh giận quá có la lớn tiếng với chị X và bỏ đi. Hiện tại, anh không sống chung nhà với chị X, chị X ở nhà nuôi con, anh đi làm và ở lại công ty. Anh cảm nhận chị X không còn tình cảm với anh nữa, chị X đang quen người đàn ông khác, không còn muốn sống chung với anh nên anh không đến Tòa án để hòa giải. Anh đồng ý ly hôn chị X.

Anh và chị X có 01 con chung tên Trần Nguyễn Sơn Hải, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2014, đang sống chung với chị X. Anh đồng ý để chị X tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng cho con.

Anh và chị X không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh làm thuê, ít khi được nghỉ nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, anh không khiếu nại về sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến về tố tụng và về nội dung:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X. Chị X được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Sơn Hải, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2014 cho đến khi cháu Hải tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị X không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Sơn B. Anh B là bị đơn trong vụ án, đang làm việc và sống tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị X, anh B có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị X, anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim X và anh Trần Sơn B chung sống năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị X và anh B được xem là hợp pháp. Tuy nhiên, chị X và anh B đều cho rằng trong thời gian chung sống, anh chị có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị X xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương được biết chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của chị X và anh B như thế nào, chỉ biết anh B đi làm và ở lại công ty.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị X và anh B đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X để giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị X và anh B có 01 con chung tên Trần Nguyễn Sơn Hải, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2014, đang sống chung với chị X. Chị X yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung của chị X và anh B là Trần Nguyễn Sơn Hải chưa thành niên, hiện tại do chị X nuôi dưỡng. Anh B cũng đồng ý để chị X tiếp tục nuôi con. Do đó, giao con chung cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nhưng chị X không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị X và anh B khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị X phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim X.

Chị Nguyễn Thị Kim X được ly hôn anh Trần Sơn B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim X và anh Trần Sơn B có 01 con chung tên Trần Nguyễn Sơn Hải, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2014, đang sống chung với chị Nguyễn Thị Kim X.

Chị Nguyễn Thị Kim X được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Trần Nguyễn Sơn Hải cho đến khi Trần Nguyễn Sơn Hải tròn 18 tuổi.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim X không yêu cầu anh Trần Sơn B cấp dưỡng cho con.

Anh Trần Sơn B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim X và anh Trần Sơn B không có tài sản chung, nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011312 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị X đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã S;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Thu Trang